

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST

Ngày: 06-9-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Hiệp

Ông Võ Ngọc Bột

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Phụng Đức T, sinh năm 1996, địa chỉ: Số C Quốc lộ F, Phường B, thị xã K, tỉnh Long An (theo hợp đồng ủy quyền ngày 09-8-2023).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T1, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An.

Ông Phan Phụng Đức T có mặt. Ông Lê Minh T1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H và lời khai tại phiên tòa của ông Phan Phụng Đức T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 21-10-2019, ông T1 có vay của ông H số tiền 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 21-11-2019. Đến hạn trả nợ nhưng ông T1 không trả tiền cho ông H theo thỏa thuận mà hứa hẹn nhiều lần kéo dài cho đến hiện tại. Ông H khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 11.163.000 đồng, tổng cộng là 31.163.000 đồng.

- Ý kiến của bị đơn ông Lê Minh T1: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lê Minh T1 vắng mặt và không nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H1 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Minh T1 trả tiền theo hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại thị trấn B, huyện M, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Xét thấy ông Lê Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Lê Minh T1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H1 đối với nợ gốc:

Ông H1 yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Chứng cứ ông H1 đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn nợ ngày 21-10-2019 có nội dung như sau:

“Tôi tên Lê Minh T1

Có mượn bác 8 Hữu số tiền 20.000.000 (Hai chục triệu đồng)

Ngày 21/10/2019

Ngày trả 21/11/2019”

Phía dưới có chữ ký, chữ viết họ tên “Lê Minh T1”.

Xét thấy ông T1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và bản sao giấy mượn nợ ngày 21-10-2019 nên ông T1 đã biết rõ yêu cầu khởi kiện cùng tài liệu, chứng cứ của ông H1 giao nộp nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lời trình bày của ông H1 và giấy mượn nợ ngày 21-10-2019 là đúng sự thật và có đủ căn cứ để xác định ông T1 có vay của ông H1 số tiền là 20.000.000 đồng.

Căn cứ giấy mượn nợ ngày 21-10-2019, hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 21-11-2019. Ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó ông H1 khởi kiện yêu cầu ông T1 trả số tiền gốc 20.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H1 đối với tiền lãi:

Tại đơn khởi kiện, ông H1 yêu cầu tiền lãi là 11.163.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên. Theo nội dung giấy mượn nợ ngày 21-10-2019 không có thể hiện thỏa thuận về lãi suất và ông H1 cũng không có chứng cứ chứng minh hai bên có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên đây là khoản vay có thời hạn, ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nên căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự, ông T1 có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi được tính từ ngày tiếp theo của thời hạn trả tiền là ngày 22-11-2019 đến ngày xét xử vụ án (ngày 06-9-2023), mức lãi suất được tính là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự. Tiền lãi được tính như sau:

$20.000.000 \text{ đồng} \times 1.383 \text{ ngày} \times 10\%/365 \text{ ngày} = 7.578.082 \text{ đồng}.$

Ông H1 yêu cầu ông T1 trả tiền lãi 11.163.000 đồng là cao hơn quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi là 7.578.082 đồng, được làm tròn là 7.578.000 đồng.

[5] Như vậy tổng số tiền gốc và lãi là 27.578.000 đồng. Ông H1 khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 31.163.000 đồng là chưa phù hợp, cao hơn so với quy định của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền gốc và lãi là 27.578.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi 3.585.000 đồng.

[6] Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[7] Về án phí:

Bị đơn ông Lê Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.378.900 đồng, được làm tròn là 1.379.000 đồng (tương ứng với 5% yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H1 được chấp nhận).

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành H1 không được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện nên có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Tuy nhiên ông H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H1 đối với ông Lê Minh T1, về việc yêu cầu trả tiền vay.

Buộc ông Lê Minh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành H1 số tiền 27.578.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành H1 đối với ông Lê Minh T1, về việc yêu cầu trả tiền lãi 3.585.000 đồng (ba triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Minh T1 có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.379.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ông Nguyễn Thành H1 được miễn nộp toàn bộ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Thành H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Minh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Trọng